

Số: 325/QĐ-SGDĐT

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công nhận học sinh đạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố
cấp Trung học cơ sở năm học 2024-2025**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 1190/KH-SGDĐT ngày 26/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông năm học 2024-2025;

Căn cứ kết quả của Hội đồng chấm thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận những học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2024-2025.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh có tên trong danh sách được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp giấy chứng nhận đạt giải học sinh giỏi thành phố cấp Trung học cơ sở năm học 2024-2025 được hưởng chế độ, quyền lợi theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng; Trưởng phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục; Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính; Trưởng các phòng cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Phòng GDĐT quận, huyện;
- Phòng GDĐT TP Thủy Nguyên;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTKĐ.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Quốc Hiệu

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THCS
NĂM HỌC 2024-2025

KẾT QUẢ XẾP GIẢI
QUẬN, HUYỆN: THỦY NGUYÊN (10311)

(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 01 năm 2025)

MÔN THI	STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	HỌC SINH TRƯỞNG	ĐIỂM		TỔNG	XẾP GIẢI
							LT	TH		
TOÁN	1	000134	ĐINH PHƯỚC THỊNH	24-08-2010	9A4	THCS Lập Lễ	8,00		8,00	Nhì
	2	000060	PHẠM GIA HUY	07-11-2010	9A2	THCS Lê ích Mộc	7,75		7,75	Nhì
	3	000071	ĐẶNG BẢO LÂM	02-10-2010	9A1	THCS Kiến Bái	7,50		7,50	Nhì
	4	000130	PHẠM TỔ THÀNH	17-11-2010	9A4	THCS Lập Lễ	7,25		7,25	Nhì
	5	000132	NGUYỄN VIỆT THẮNG	05-01-2010	9A6	THCS An Lư	6,85		6,85	Nhì
	6	000021	LÊ MẠNH DŨNG	07-02-2010	9A2	THCS Lê ích Mộc	6,75		6,75	Ba
	7	000139	NGUYỄN BÙI THÁI TOÀN	02-03-2010	9A1	THCS Mỹ Đồng	5,75		5,75	KK
	8	000035	BÙI TIẾN ĐÔNG	15-01-2010	9A1	THCS Quảng Thanh	5,50		5,50	KK
	9	000089	TRẦN TIẾN MẠNH	10-08-2010	9A1	THCS Quảng Thanh	5,50		5,50	KK
	10	000124	ĐẶNG THÁI SƠN	25-04-2010	9A1	THCS Quảng Thanh	5,35		5,35	KK
	11	000108	TRẦN THỊ ANH NGỌC	25-06-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	5,10		5,10	KK
	12	000107	NGUYỄN MINH NGỌC	29-06-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	5,00		5,00	KK
	13	000110	TRẦN BÌNH PHƯƠNG NGUYỄN	23-07-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	5,00		5,00	KK
KHTN	1	000197	ĐOÀN ĐỨC GIANG	27-01-2010	9A3	THCS Lại Xuân	14,50		14,50	Nhì
	2	000191	CAO ĐỨC ĐẠI	17-07-2010	9A4	THCS Phan Chu Trinh	14,50		14,50	Nhì
	3	000162	LÊ ĐỨC ANH	07-10-2010	9A1	THCS Minh Đức	14,50		14,50	Nhì
	4	000266	LÊ THỊ NGUYỆT	15-01-2010	9D1	THCS Liên Khê	14,25		14,25	Nhì
	5	000157	PHẠM TRUNG BẢO AN	23-06-2010	9A2	THCS An Lư	14,00		14,00	Nhì
	6	000217	NGUYỄN PHÚ HUNG	22-04-2010	9A2	THCS Lưu Kiếm	13,50		13,50	Ba
	7	000170	NGUYỄN NGỌC BẢO	04-10-2010	9A6	THCS Ngũ Lão	13,50		13,50	Ba
	8	000278	PHÙNG THỊ DIỄM QUỲNH	23-09-2010	9A2	THCS Lại Xuân	12,85		12,85	Ba
	9	000179	ĐÀO THỊ QUỲNH CHI	06-08-2010	9A	THCS Tân Dương	12,85		12,85	Ba
	10	000196	BÙI HÀ GIANG	13-07-2010	9A2	THCS Lại Xuân	12,00		12,00	KK
	11	000176	NGÔ MINH CHÂU	18-01-2010	9A1	THCS Lưu Kiếm	11,85		11,85	KK
	12	000303	BÙI TRẦN HOÀNG VIỆT	25-02-2010	9A1	THCS Minh Đức	11,10		11,10	KK
	13	000280	BÙI THỊ THANH TÂM	21-09-2010	9A6	THCS An Lư	10,60		10,60	KK
	14	000213	TRẦN QUỐC HOÀN	26-01-2010	9A4	THCS Phan Chu Trinh	10,25		10,25	KK
	15	000184	NGUYỄN TIẾN DŨNG	19-03-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	10,25		10,25	KK
CÔNG NGHỆ - CN	1	001249	NGUYỄN BÙI AN KHÁNH	28-01-2010	9A1	THCS Dương Quan	9,30	19,05	28,35	Nhất
	2	001278	PHẠM GIA PHÚ	24-03-2010	9A1	THCS Dương Quan	8,55	19,10	27,65	Nhì
	3	001220	TRẦN VIỆT DŨNG	05-08-2010	9A6	THCS Nguyễn Văn Cừ	8,20	19,20	27,40	Nhì
	4	001254	ĐỖ ANH KIẾT	06-08-2010	9A1	THCS Chính Mỹ	7,95	19,30	27,25	Nhì
	5	001250	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	03-08-2010	9A1	THCS Hoa Động	7,70	19,05	26,75	Nhì
	6	001281	NGUYỄN HỮU SAN	07-05-2010	9A6	THCS Nguyễn Văn Cừ	8,30	18,30	26,60	Nhì
	7	001299	TRẦN QUANG VŨ	05-10-2010	9A3	THCS Hoàng Động	7,60	18,85	26,45	Ba
	8	001216	ĐÀO DUY THÀNH CÔNG	06-09-2010	9A	THCS Tân Dương	7,20	19,20	26,40	Ba
	9	001264	LÊ HOÀNG NAM	27-01-2009	9A1	THCS Dương Quan	8,65	17,75	26,40	Ba
	10	001210	NGUYỄN HOÀNG BÁCH	17-10-2010	9A1	THCS Hoa Động	8,25	17,80	26,05	Ba
	11	001206	NGUYỄN HOÀNG ANH	05-09-2010	9A	THCS Tân Dương	7,40	17,75	25,15	Ba
	12	001204	ĐỒNG TUẤN ANH	22-10-2010	9A1	THCS Lâm Động	8,30	16,80	25,10	KK
	13	001279	NGUYỄN VĂN HOÀNG PHÚC	06-08-2010	9A6	THCS Nguyễn Văn Cừ	7,70	17,35	25,05	KK
	14	001293	BÙI ANH TUẤN	19-03-2010	9A	THCS Tân Dương	7,90	16,25	24,15	KK

MÔN THI	STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	HỌC SINH TRƯỞNG	ĐIỂM		TỔNG	XẾP GIẢI
							LT	TH		
TIN HỌC	1	001339	DOÃN HOÀNG LONG	05-01-2011	8A1	THCS Lê ích Mộc		25,80	25,80	Nhì
	2	001344	BÙI ĐÌNH TRỌNG MINH	26-03-2010	9A6	THCS An Lư		25,50	25,50	Nhì
	3	001319	PHẠM MINH ĐỨC	06-01-2010	9A1	THCS Lưu Kiếm		23,65	23,65	Nhì
	4	001378	NGUYỄN ĐẮC VIỆT	12-03-2010	9A1	THCS Thiên Hương		23,05	23,05	Nhì
	5	001370	ĐÌNH THỊ THỰC QUYÊN	18-04-2010	9A1	THCS Quảng Thanh		18,15	18,15	Ba
	6	001368	ĐÌNH ĐẠI QUANG	10-04-2011	8A5	THCS Lập Lễ		12,95	12,95	KK
	7	001315	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	12-04-2010	9A1	THCS Lưu Kiếm		10,60	10,60	KK
	8	001357	VŨ BẢO NGỌC	30-11-2010	9A1	THCS Chính Mỹ		10,0	10,00	KK
	9	001362	VŨ MẠNH NGUYỄN	11-02-2010	9A5	THCS Trần Hưng Đạo		9,60	9,60	KK
	10	001331	ĐÀO NGUYỄN KHÔI	08-01-2010	9A1	THCS Lưu Kiếm		6,95	6,95	KK
NGŨ VĂN	1	001074	NGUYỄN KHÁNH HÀ	20-10-2010	9A1	THCS Lưu Kiếm	7,25		7,25	Nhất
	2	001125	TRẦN BAN MAI	26-01-2010	9A2	THCS Lê ích Mộc	7,00		7,00	Nhì
	3	001148	PHẠM BẢO NHÌ	23-06-2010	9A1	THCS Trần Hưng Đạo	6,75		6,75	Nhì
	4	001141	NGÔ THỊ MINH NGỌC	30-04-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	6,75		6,75	Nhì
	5	001104	LÊ THỊ HÀ LINH	26-10-2010	9A1	THCS Nguyễn Văn Cừ	6,75		6,75	Nhì
	6	001154	ĐÌNH THỊ KIM OANH	16-02-2010	9A4	THCS Lập Lễ	6,75		6,75	Nhì
	7	001153	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	05-08-2010	9A1	THCS Hoà Bình	6,50		6,50	Ba
	8	001085	ĐÌNH THỊ PHƯƠNG HOA	28-10-2010	9A	THCS Phả Lễ	6,25		6,25	Ba
	9	001039	NGUYỄN THỊ TRANG ANH	25-02-2010	9A4	THCS Phan Chu Trinh	6,00		6,00	KK
	10	001032	BÙI VŨ TRÂM ANH	26-03-2010	9A3	THCS Hoàng Động	6,00		6,00	KK
	11	001163	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	10-01-2010	9A1	THCS Hợp Thành	5,75		5,75	KK
	12	001192	CHU NGỌC BẢO UYÊN	31-12-2010	9A3	THCS Hoàng Động	5,50		5,50	KK
LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ	1	000378	TRẦN QUỐC LÂM	03-05-2010	9A6	THCS An Lư	9,20		9,20	Nhì
	2	000404	VŨ TRẢ MY	16-01-2010	9A5	THCS Trần Hưng Đạo	8,70		8,70	Nhì
	3	000394	ĐÀM TUẤN MINH	08-09-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	8,70		8,70	Nhì
	4	000427	BÙI THỊ TÚ QUỲNH	29-09-2010	9A	THCS Minh Tân	8,70		8,70	Nhì
	5	000370	NGUYỄN ĐỨC KHẢI	27-07-2011	8A5	THCS Lập Lễ	8,70		8,70	Nhì
	6	000307	BÙI MỸ ANH	02-07-2010	9A4	THCS Lê ích Mộc	8,60		8,60	Ba
	7	000424	VŨ THỊ KHÁNH PHƯƠNG	24-12-2010	9A	THCS Minh Tân	8,60		8,60	Ba
	8	000324	PHẠM VÂN ANH	25-01-2010	9A3	THCS Phục Lễ	8,50		8,50	Ba
	9	000421	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	09-11-2010	9A1	THCS Hoa Động	8,40		8,40	Ba
	10	000309	ĐÌNH NGỌC ANH	20-06-2011	8A5	THCS Lập Lễ	8,40		8,40	Ba
	11	000363	PHẠM GIA HÂN	02-12-2010	9A	THCS Tân Dương	8,30		8,30	Ba
	12	000362	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC HÂN	23-12-2010	9A3	THCS Lê ích Mộc	8,30		8,30	Ba
	13	000368	VŨ THỊ MAI HƯƠNG	10-08-2008	9D1	THCS Liên Khê	8,20		8,20	Ba
	14	000389	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	26-03-2010	9A4	THCS An Lư	8,10		8,10	KK
	15	000449	ĐOÀN MINH TRANG	02-09-2010	9A5	THCS Ngũ Lão	8,00		8,00	KK
	16	000428	HOÀNG NHƯ QUỲNH	02-01-2010	9A1	THCS Kỳ Sơn	7,60		7,60	KK
GDCD	1	000466	ĐÀO VIỆT ANH	28-04-2010	9A1	THCS Minh Đức	9,55		9,55	Nhất
	2	000536	ĐÌNH THỊ MAI LINH	21-12-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	9,45		9,45	Nhì
	3	000636	NGUYỄN THỊ YẾN	10-03-2010	9A1	THCS Dương Quan	9,40		9,40	Nhì
	4	000623	VŨ VĂN QUANG VINH	31-03-2010	9A1	THCS Minh Đức	9,15		9,15	Nhì
	5	000622	NGUYỄN THÀNH VINH	20-01-2010	9A6	THCS Nguyễn Văn Cừ	9,15		9,15	Nhì
	6	000472	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	31-03-2010	9B	THCS Tân Dương	9,10		9,10	Ba
	7	000500	ĐOÀN HƯƠNG GIANG	01-09-2010	9A6	THCS Ngũ Lão	9,10		9,10	Ba
	8	000482	NGUYỄN HUY BÁCH	27-07-2010	9A1	THCS Thiên Hương	9,00		9,00	Ba
	9	000546	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	14-01-2010	9A4	THCS Lê ích Mộc	9,00		9,00	Ba

MÔN THI	STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	HỌC SINH TRƯỜNG	ĐIỂM		TỔNG	XẾP GIẢI
							LT	TH		
GD&ĐT	10	000549	ĐỖ DƯƠNG GIA LY	22-06-2011	8A1	THCS Ngũ Lão	9,00		9,00	Ba
	11	000633	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	28-04-2010	9A2	THCS Thủy Đường	8,95		8,95	Ba
	12	000627	NGUYỄN KHÁNH VY	24-07-2010	9A	THCS Minh Tân	8,85		8,85	Ba
	13	000593	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	14-03-2010	9A1	THCS Trần Nhật Duật	8,80		8,80	KK
	14	000535	BÙI THỊ PHƯƠNG LINH	09-06-2011	8A2	THCS Ngũ Lão	8,70		8,70	KK
	15	000511	ĐÀM GIA HÂN	26-09-2010	9A1	THCS Lâm Động	8,65		8,65	KK
	16	000494	NGUYỄN THUY DUNG	19-02-2010	9A1	THCS Quảng Thanh	8,60		8,60	KK
	17	000502	PHẠM HƯƠNG GIANG	05-01-2010	9A5	THCS Lưu Kiếm	8,55		8,55	KK
	18	000570	TRẦN THỊ KHÁNH NGỌC	19-12-2010	9A1	THCS Hoà Bình	8,55		8,55	KK
	19	000497	VŨ THỊ DUYÊN	03-07-2010	9A	THCS Minh Tân	8,45		8,45	KK
TIẾNG ANH	1	000776	NGUYỄN MINH TRỌNG	08-11-2011	8D	THCS Tam Hưng	9,50		9,50	Nhì
	2	000654	BÙI GIA BẢO	05-02-2010	9A4	THCS Lê ích Mộc	9,00		9,00	Nhì
	3	000668	LƯU TRÍ DŨNG	13-07-2010	9A1	THCS Hoà Bình	9,00		9,00	Nhì
	4	000751	LÊ KHÔI NGUYỄN	15-06-2011	8A1	THCS Lưu Kiếm	8,75		8,75	Nhì
	5	000738	PHẠM QUANG MINH	11-12-2010	9A6	THCS Lê ích Mộc	8,50		8,50	Ba
	6	000661	BÙI MAI CHI	19-01-2010	9A3	THCS Lê ích Mộc	8,38		8,38	Ba
	7	000761	NGUYỄN PHƯƠNG TÂM	21-12-2010	9A1	THCS Lưu Kiếm	8,25		8,25	Ba
	8	000689	NGUYỄN VŨ HỒNG HẢI	02-03-2010	9A1	THCS Hoà Bình	8,00		8,00	KK
	9	000696	CÙ NGỌC KHÁNH HUY	23-07-2010	9A1	THCS Minh Đức	7,88		7,88	KK
	10	000722	PHẠM KHÁNH LINH	01-05-2010	9A1	THCS Lê ích Mộc	7,75		7,75	KK
	11	000762	QUÁCH YẾN THANH	18-03-2010	9A1	THCS Quảng Thanh	7,63		7,63	KK
ÂM NHẠC	1	000922	NGUYỄN THỊ THUỶ QUỲNH	31-03-2010	9A1	THCS Dương Quan	9,00	35,50	44,50	Nhì
	2	000900	PHẠM HÀ LINH	20-07-2010	8A2	THCS Lê ích Mộc	8,50	35,00	43,50	Nhì
	3	000911	VŨ BẢO NGỌC	23-10-2011	8A2	THCS Kỳ Sơn	8,00	34,50	42,50	Ba
	4	000883	TRẦN THỊ MINH GIANG	09-06-2010	9A1	THCS Nguyễn Văn Cừ	8,00	33,00	41,00	Ba
	5	000867	TRỊNH THỊ KIỀU ANH	07-02-2010	9A1	THCS Hợp Thành	9,00	31,50	40,50	Ba
	6	000878	NGUYỄN HỒNG DUNG	01-08-2011	8A4	THCS Nguyễn Văn Cừ	8,00	30,00	38,00	KK
	7	000856	ĐINH ĐOÀN LAN ANH	12-03-2011	8A5	THCS Lập Lễ	9,00	28,75	37,75	KK
	8	000879	ĐÀM VIỆT DŨNG	05-09-2010	9A1	THCS Lâm Động	8,50	29,00	37,50	KK
MĨ THUẬT	1	000963	PHẠM NGỌC THANH HÀ	23-04-2010	9A3	THCS Phục Lễ	9,00	18,00	27,00	Nhì
	2	001003	ĐINH THỊ HÀ PHƯƠNG	09-05-2010	9A4	THCS Lập Lễ	9,50	17,00	26,50	Nhì
	3	000968	ĐINH THỊ BẢO HÂN	07-07-2010	9A1	THCS Phục Lễ	8,00	18,00	26,00	Nhì
	4	000952	TRẦN LINH CHI	20-02-2011	8A3	THCS Lê ích Mộc	10,00	15,00	25,00	Ba
	5	000961	ĐẶNG THỊ THANH HÀ	24-06-2011	8A	THCS Cao Nhân	7,50	17,00	24,50	Ba
	6	000992	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	07-08-2010	9A1	THCS Thủy Đường	8,00	16,50	24,50	Ba
	7	000951	ĐÀO THỊ MAI CHI	08-10-2010	9A1	THCS Hoa Động	7,50	15,00	22,50	KK
	8	000967	PHẠM THỊ MINH HẰNG	17-02-2010	9A1	THCS Lâm Động	6,50	15,00	21,50	KK

Tổng cộng: 126 giải. Trong đó:

- Giải nhất : 3 - Giải ba : 37
- Giải nhì : 42 - Giải KK : 44

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO